

Hà Nội, ngày 8 tháng 01 năm 2026

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định số 1427/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 2436/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ;
- Căn cứ Quyết định số 2816/QĐ-BKHCN ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao số tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 để thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia trong năm 2025 được giao ngân sách như sau:



A	NỘI DUNG	TỔNG SỐ (Triệu đồng)
1	Số thu hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác	0
	Thu từ các hoạt động khác theo quy định của pháp luật	0
2	Số chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác	0
	Chi từ nguồn thu các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	0
B	Nguồn ngân sách nhà nước cấp	9.582
I	Sự nghiệp khoa học và Công nghệ (Loại 100 – Khoản 101)	5.276
1	Chi hoạt động thường xuyên	3.741
2	Quỹ thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	209
3	Đề tài nghiên cứu khoa học	780
	Thực hiện Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ	780
4	Chi không thường xuyên (tính giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ)	545,9
II	Sự nghiệp văn hóa thông tin (Loại 160 - Khoản 171)	853
1	Chi không thường xuyên	853
1.1	Triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020	600
1.2	Triển khai chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số theo Quyết định 411/QĐ-TT ngày 31/3/2022: -Tổ chức hội đồng đánh giá nền tảng	150
1.3	Thực hiện chiến lược chuyển đổi số báo chí theo Quyết định 348/QĐ-TTg ngày 6/4/2023: -Nghiên cứu xu hướng của thế giới về phát triển ứng dụng công nghệ AI trong lĩnh vực báo chí, truyền thông và khuyến nghị áp dụng tại Việt Nam	103
III	Kinh Phí quản lý hành chính	3.453
	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định 289/2025/NĐ-CP	3.453

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

1. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: Viện đã thực hiện giải ngân 3.741 triệu đồng chiếm 100% tổng kinh phí được cấp.

- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ: Viện đã thực hiện giải ngân 779,9 triệu đồng chiếm 100% tổng kinh phí được cấp.

- Kinh phí chi tiền thưởng: Viện đã thực hiện giải ngân 209 triệu đồng chiếm 100% tổng kinh phí được cấp.

- Kinh phí không thường xuyên:

+ Chi tính giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP: Viện đã thực hiện giải ngân 545,8 triệu đồng chiếm 100% tổng kinh phí được cấp.

Tính đến hết năm 2025, Viện thực hiện giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ 5.276 triệu đồng chiếm 100% tổng kinh phí được cấp.

2. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

Tính đến hết năm 2025, Viện thực hiện giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin 609,9 triệu đồng chiếm 72% tổng kinh phí được cấp

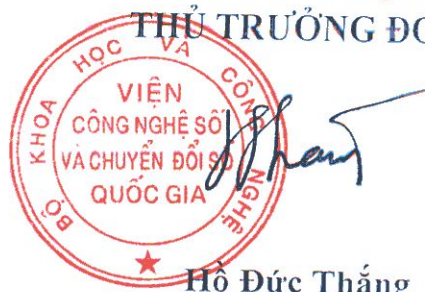
3. Chi quản lý hành chính:

Nhiệm vụ Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định 289/2025/NĐ-CP: Viện đã thực hiện giải ngân 488 triệu đồng chiếm 14% tổng kinh phí được cấp.

Như vậy, tính đến hết năm 2025, Viện đã thực hiện giải ngân nguồn NSNN cấp trong năm 2025: 6.374 triệu đồng đạt 67% trong tổng số kinh phí đã được cấp.

Hà Nội, ngày 8 tháng 01 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hồ Đức Thắng



Hà Nội, ngày 8 tháng 01 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 23 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực Hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				



III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.582	6.374	67%	120,62%
1	Chi quản lý hành chính	3.453	488	14%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.453	488	14%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	5.276	5.276	100%	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	780	779,9	100%	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	780	779,9	100%	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	3.741	3.741	100%	
2.4	Kinh phí không thường xuyên (tính giảm biên chế theo ND 154/2025/ND-CP)	545,9	545,8	100%	
2.3	Quỹ thường theo Nghị định 73/2024/ND-CP	209	209	100%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	853	610	72%	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	853	610	72%	
9	tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi quản lý hành chính				
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 8 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Hồ Đức Thắng

